TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN BẮC** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày: 14/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Phước Trí
Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Xuân Hiền, ông Trần Thanh Sỹ
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Trần Văn Tùng
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2019/TLST-HS ngày 20-12-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 02-01-2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành L, sinh năm 1990; trú tại: Khu phố X, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành H (chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958.

Tiền án: Ngày 30-7-2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2017, nhưng chưa thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí; Tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 30/7/2009 bị Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục A1, tỉnh Phú Yên trong thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong ngày 02/11/2011.

+ Ngày 30/6/2015, bị Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm xử phạt

18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thuận Bắc (Bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991; Trú tại: Khu phố X, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1974;

Tiền án: Ngày 30-7-2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội "trộm cắp tài sản"; Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 28/04/2008 bị công an phường Đạo Long, TP. Phan Rang.TC xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp xe đạp. Đã chấp hành xong.

Ngày 04/6/2008 bị chủ tịch UBND phường Mỹ Hương, TP Phan Rang-TC ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường trong thời hạn 06 tháng về hành vi trộm cắp xe đạp. Đã chấp hành xong .

Ngày 11/06/2008 bị công an phường Kinh Dinh, TP Phan Rang -TC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp xe đạp. Đã chấp hành xong.

Ngày 16/03/2009 bị TAND TP Phan Rang- TC xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong ngày 22/01/2010.

Ngày 04/01/2011 bị TAND quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong ngày 25/08/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thuận Bắc (Bị cáo có mặt).

Người bị hại: bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972; trú tại: B, xã B, huyện Thuận Bắc, Ninh Thuận (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1974; trú tại: Khu phố X, phường Ph, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (xin xét xử vắng mặt).

+ ông Tô Duy H–Chủ doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Thu Đ 2. Ông H ủy quyền cho bà Ngô Thị Lệ Th, sinh năm 1973; địa chỉ: số 310 Thống Nhất, phường Ph, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia tố tụng (xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

+ ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1976; trú tại: B, xã B, Thuận Bắc, Ninh Thuận (vắng mặt).

+ bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1953; trú tại: Khu phố x, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 17 giờ ngày 24/09/2019, Nguyễn Thành L rủ Nguyễn Văn Th đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu dùng thì Th đồng ý. Để thực hiện việc trộm cắp tài sản, Th mượn của Nguyễn Văn S một xe mô tô hiệu Sirius biển số 85B1 – 725.11 và thay bằng biển số 86S2 – 4190 (biển số này Th mua của một người bán phế liệu không rõ tên, địa chỉ) chở L tới địa phận huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận tìm tài sản để trộm cắp nhưng không thực hiện được. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, Th và L ghé vào quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị Nh để mua thuốc lá, lúc này L phát hiện trên cổ bà Nh có đeo một sợi dây chuyền màu vàng trên cổ, L nói với Th "dây chuyền kìa" thì Th hiểu L mốn nói là giật dây chuyền của bà Nh. Khi bà Nh đưa thuốc lá cho L và đứng cách L khoảng 01m, L nhoài người dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ bà Nh. Thấy L đã giật được sợi dây chuyền thì Th tăng ga bỏ chạy thì bà Nh dùng hai tay nắm lấy áo của L kéo lại, Th vẫn cho xe tiếp tục chạy và kéo theo bà Nh đi khoảng 05m đến 07m thì xe bị ngã, bà Nh cũng ngã xuống đường bị thương tích ở tay và chân. Do có người dân chạy tới nên các đối tượng bỏ lại xe mô tô, 02 đôi dép, 01 cái áo và 01 cái mũ bảo hiểm bỏ chạy tẩu thoát. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Th bị bắt, còn L mang sợi dây chuyền giật được bán cho tiệm vàng Thu Đ 2 tại thành phố Phan Rang – Tháp Chàm được 7.650.000đ, L gửi bà Nguyễn Thị Ng (là dì ruột) ở phường M, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm số tiền 05.000.000đ, số tiền còn lại L tiêu dùng cá nhân hết. Ngày 25-9-2019 L bị bắt tại tỉnh Bình Thuận.

Bản kết luận định giá tài sản số 08/KLĐGTS ngày 03-10-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thuận Bắc kết luận sợ dây chuyền vàng của bà Nh trị giá 12.257.091đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại: xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius cùng biển số 85B1 – 725.11 cho anh Nguyễn Văn S là chủ sở hữu; Trả lại biển số xe 86S2 – 4190 cho anh Trương Văn L ở Bình Thuận là chủ sở

hữu; Trả lại 01 áo thun, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi dép nhựa màu đen cho Th; Trả lại 01 đôi dép nhựa màu đen trắng cho L.

Tại bản Cáo trạng số 13/ CT-VKS-TB ngày 20-12-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc đã truy tố Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thanh L về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng, đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự đối với các bị cáo như sau:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữ bị cáo L và người bị hại về việc L đồng ý tiếp tục bồi thường cho người bị hại 06 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát vì cho rằng việc truy tố theo tình tiết định khung hình phạt " Dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS là không đúng vì các bị cáo không dùng thủ đoạn nào nguy hiểm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Bắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/09/2019 Nguyễn Văn Th dùng xe mô tô chở Nguyễn Thành L đến trước quán tạp hóa bà Nguyễn Thị Nh, khi thấy bà Nh có dây chuyền bằng vàng đeo trên cổ thì L ngồi trên xe giật dây chuyền còn Th điều khiển xe bỏ chạy nhưng bị bà Nh cầm áo kéo lại rồi té ngã, sau đó hai bị cáo bỏ lại xe mô tô rồi tẩu thoát. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc truy tố các bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn Th về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện các bị cáo rất coi thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn Th đồng phạm về tội "Cướp giật tài sản" nên cần phân tích tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo để có cơ sở cho việc lượng hình. Đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, L là người khởi xướng rũ rê, vai trò của L cao hơn so với Th nên L phải chịu mức án cao hơn so với Th.

[4] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn Th sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn Th có chung tình tiết tăng nặng là " Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ chung quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn S khi cho Th mượn xe mô tô nhưng không biết Th dùng vào việc phạm tội; đối với bà Ng nhận giữ số tiền 5.000.000đ nhưng

không biết số tiền này là do L bán tài sản do phạm tội mà có; đối với Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Thu Đ 2 khi mua sợi dây chuyền L đem bán cũng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn S đã nhận lại xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius cùng biển số 85B1 – 725.11, không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xét. Đối với ông Tô Duy H–Chủ doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Thu Đ 2 không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại: 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius cùng biển số 85B1 – 725.11 cho anh Nguyễn Văn S là chủ sở hữu; Trả lại biển số xe 86S2 – 4190 cho anh Trương Văn L ở Bình Thuận là chủ sở hữu; Trả lại 01 áo thun, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi dép nhựa màu đen cho Th; Trả lại 01 đôi dép nhựa màu đen trắng cho L là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Ng đã mang nộp số tiền 5.000.000đ (tiền L bán sợi dây chuyền gửi bà Ng) đã trả lại cho bà Nh, bà Nh tiếp tục yêu cầu Th và L bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000đ, L đồng ý tự mình bồi thường số tiền 6.000.000đ cho bà Nh, không yêu cầu Th có trách nhiệm cùng liên đới. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái quy định pháp luật nên được công nhận.

[9] Xét quan điểm xử lý của Viện Kiểm sát hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Viện Kiểm sát truy tố theo tình tiết định khung " Dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS. Vấn đề này được hướng dẫn chi tiết tại tiểu mục 5.3 mục 5 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT -TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Quan điểm về đối tượng có liên quan, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì vậy, không chấp nhận lời bào chữa của các bị cáo vì cho rằng mình không dùng thủ đoạn nào nguy hiểm nên không đồng ý theo quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tình tiết định khung " Dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS.

[10] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các Bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do phần trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra bị cáo L và người bị hại đã thỏa thuận được việc bồi thường nên bị cáo L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 2 (điểm d) Điều 171; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, đểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo L và Th.

Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Th phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thành L 05** (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 25/9/2019).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Th** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 25/9/2019).

* **Về trách nhiệm dân sự**: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS; các Điều 585, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thành L và những người bị hại bà Nguyễn Thị Nh về việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Buộc Nguyễn Thành L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền còn lại là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí hình sự:

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm, công khai, có mặt các bị cáo, Người bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Công an huyện Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- Thi hành án phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phước Trí